

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 02 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						476 686	188 318	288 368			
I	CẢNG CHÍNH						135 646	49 233	86 414			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						31 155	31 052	103			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	31/5	363/5		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 000	25 984	16	02/6	HỘ LỚN	THAY 349/5
2	ĐẠM NINH BÌNH	31/5	362/5	10/6	NB 8812	CÁM 4A.1	3 145	3 065	80	02/6	HỘ LỚN	THAY 332/5 (MÓN: 3.075,23)
3	COALIMEX	01/6	1398/5	08/6	BN 1997	CÁM 4B.1	1 000	995	5	02/6	TD	GIA HẠN L1
4	ANH KHOA	01/6	1413/5	08/6	NB 8127	CÁM 4B.1	1 010	1 008	2	02/6	TD	THAY 1392/5
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						29 150	18 181	10 970			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	27/5	346/5		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 150	16 948	8 203	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2	ĐẠM HÀ BẮC	01/6	364/6	11/6	TD 39-4	CÁM 4A.1	2 800	374	2 426	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3	TNV HẢI ĐƯƠNG	01/6	1289-B/5	08/6	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 200	859	341	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						75 341		75 341			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	30/5	356/5		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 100		29 100		HỘ LỚN	
2	ĐẠM HÀ BẮC	01/6	365/6	11/6	QN 4140	CÁM 4A.1	1 800		1 800		HỘ LỚN	
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/6	366/6		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	
4	KDT MIỀN BẮC	01/6	1414/5	10/6	TB 1619	CÁM 5B.1	2 600		2 600		PTCB	GIA HẠN L1
5	KDT HẢI PHÒNG	02/6	1354/5	12/6	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969		1 969		PTCB	GIA HẠN L1
6	KDT HẢI PHÒNG	02/6	1355/5	12/6	BN 2012	CÁM 5A.1	1 972		1 972		PTCB	GIA HẠN L1
7	CROMIT	01/6	1340/5	08/6	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
8	VTT	01/6	1330/5	08/6	HD 2225	CỤC XÔ 1C	940		940		TD	GIA HẠN L2
9	HÀNG HẢI VN	01/6	1331/5	08/6	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L2
10	SXTM TUB	01/6	1388/5	08/6	BN 1968	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
11	KDT MIỀN BẮC	02/6	1409/5	09/6	BN 1818	CÁM 2A.1	1 930		1 930		TD	GIA HẠN L1
12	VĨNH THẮNG	02/6	1430/6	09/6	BN 2228	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
13	DVVT QN	02/6	1412/5	09/6	BN 2518	CÁM 4B.1	1 680		1 680		TD	GIA HẠN L1
14	ĐTTM&DV	02/6	1433/6	09/6	BN 3040	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	THAY 1390/5
15	DVVT QN	02/6	1434/6	09/6	BN 2706	CÁM 4B.1	1 550		1 550		TD	THAY 1418/5
	Tàu chuyển tải						232 900	112 221	120 679			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						49 300	49 151	149			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/5	339/5		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	22 850	150	02/6	HỘ LỚN	TTHG: 17.581,22 - KVCP: 5.269,11
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/5	343/5		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300	26 300		02/6	HỘ LỚN	TTCO: 15.606,21 - CLM: 10.694,05
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						110 500	63 070	47 430			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 02 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/5	342-B/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	34 120	7 130	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTC: 17.000 - CLM: 15.000 - KVCP: 9.250
2	ĐIỆN VŨNG ÁNG	23/5	340/5		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	12 300	10 500	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 17.000 - KVĐB: 5.800
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	344/5		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 150	14 150	9 000	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.150
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	345/5		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300	2 500	20 800	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.300
<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>							73 100		73 100			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	29/5	351/5		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTCO: 10.300 - CLM: 13.000
2	ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/6	367/6		VIỆT THUẬN 235-06	CÁM 5A.14	22 400		22 400		HỘ LỚN	KDTC: 8.000 - CLM: 9.000 - TTHG: 5.400
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/6	368/6		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 400		27 400		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 7.400
II	<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						20 806	7 195	13 611			
<i>Tàu đã làm hàng</i>							5 994	5 869	125			
1	THAN MIỀN NAM	01/6	1363/5	08/6	BN 2335	CUC 1A	1 000	993	7	02/6	TD	
2	VIỆT THUẬN 235-02	28/5	2 686		VT-TD 15	TNK LÁO	4 994	4 876	118	02/6		
<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>							1 600	1 326	274			
1	ĐVVT QN	01/6	1420/6	08/6	BN 2366	CUC 1B	1 600	1 326	274	RÓT DỖ	TD	NGUỒN TN
<i>Tàu đã làm lệnh</i>							13 212		13 212			
1	TRƯỜNG ANH 888	01/6	1146/4	08/6	BN 2056	CUC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	SXTM TUB	01/6	1176/4	08/6	BN 1883	CUC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	XDCN MỎ	01/6	1179/4	08/6	BN 0719	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	KDT HẢI PHÒNG	01/6	1358/5	08/6	BN 1835	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	KDT HÀ NỘI	01/6	1362/5	08/6	BN 1862	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	ĐTTM&DV	01/6	1383/5	08/6	BN 1309	CUC 1C	1 128		1 128		TD	NGUỒN KC
7	ĐTTM&DV	01/6	1402/5	08/6	BN 1468	CUC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
8	CROMIT	01/6	1416/5	08/6	CHÍ THÀNH 68	CÁM 4A.1	2 612		2 612		TD	NGUỒN CS
9	MIKADO	01/6	1417/5	08/6	VIỆT THUẬN-TD 06	CÁM 4A.1	3 000		3 000		TD	NGUỒN CS
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						3 500	-	3 500			
<i>Tàu đã làm hàng</i>												
<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>							3 500		3 500			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	02/6	369/6	12/6	HN 1809	CÁM 5A.14	3 500		3 500		HỘ LỚN	
<i>Tàu đã làm lệnh</i>												
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>						26 534	12 282	14 252			
<i>Tàu đã làm hàng</i>							11 085	11 017	68			
1	NHÔM ĐẮK NÔNG	01/6	1 424	10/6	HOÀNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 715	1 704	11	02/6	BAUXIT	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2	NHÔM ĐẮK NÔNG	01/6	1 424	10/6	HOÀNG GIA 56	CUC 4A.2	1 370	1 344	26	02/6	BAUXIT	
3	CROMIT	01/6	1 423	10/6	HÙNG KHÁNH 616	CÁM 6A.1	3 200	3 183	17	02/6	PTCB	
4	KDT MIỀN BẮC	02/6	1 428	12/6	HY 0888	CÁM 5A.1	2 700	2 693	7	02/6	PTCB	
5	KVĐB	02/6	1 426	12/6	CỬA ÔNG 18	CÁM 6B.1	2 100	2 092	8	02/6	CHUYỂN VÙNG	
<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							14 449	1 265	13 184			
1	KDT MIỀN BẮC	02/6	1 429	12/6	HP 5806	CÁM 6B.1	5 064	1 265	3 799	RÓT DỖ	PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	02/6	1 427	12/6	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585		2 585		PTCB	
3	CROMIT	02/6	1 431	12/6	NGỌC LINH 68	CÁM 5B.1	3 100		3 100		PTCB	
4	CROMIT	02/6	1 432	12/6	TUẤN MINH 36	CÁM 5A.1	3 700		3 700		PTCB	
<i>Tàu đã làm lệnh</i>							1 000		1 000			
1	ĐTTM&DV	02/6	1 387	09/6	PT 2698	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN QH
V	TÀU XUẤT KHẨU						57 300	7 388	49 912			
<i>Tàu đã làm hàng</i>												
<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							18 000	7 388	10 612			
1	INDONESIA	16/5	45/5/XK		MV HUAN YA 1	CUC 5B.2	18 000	7 388	10 612	RÓT DỖ		
<i>Tàu đã làm lệnh</i>							39 300		39 300			
1	THÁI LAN	29/5	47/5/XK		MV HOANG PHUONG LUCKY	CUC 4B.3	5 500		5 500			
2	THÁI LAN	29/5	48/5/XK		MV HOANG PHUONG STAR	CUC 4B.3	4 800		4 800			
3	INDONESIA	29/5	49/5/XK		MV TAN BINH 259	CUC 5B.2	25 000		25 000			
4	HÀN QUỐC	01/6	50/6/XK		MV SHENG WEI 2	CUC 4A.3	4 000		4 000			
VI	TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				-	-	-			
<i>Tàu đã làm hàng</i>												
<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
<i>Tàu đã làm lệnh</i>												